

Bản án số: 347/2021/HC-PT

Ngày: 31 - 5 - 2021

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực thuế về xử phạt vi phạm
hành chính về thuế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long
Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2021/TLPT-HC ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc: “**Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế về xử phạt vi phạm hành chính về thuế**”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 1898/2020/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 905/2021/QĐ - PT ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giải pháp S.

Địa chỉ: Tầng 2 Cao ốc V, số 12 đường T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Ý N, sinh năm 1992;

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Bùi Trần Nhật V (có mặt)

Địa chỉ: Phòng 303 Tòa nhà T, 16 Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Luật sư Nguyễn Quốc C, Luật sư Công ty Luật TNHH T – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: Phòng 303 Tòa nhà V, số 16 đường Đ, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1 Chi Cục Trưởng Chi cục thuế A;

Địa chỉ: Số 350 đường H, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Đào Văn N, sinh năm 1977, Chức vụ: Đội trưởng Đội kiểm tra số 1; (có mặt)

- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1970, Chức vụ: Phó Đội trưởng Đội kiểm tra nội bộ; (có mặt)

- Ông Phan Tiến T, sinh năm 1986, Chức vụ: Nhân viên. (có mặt)

2.2 Cục trưởng Cục thuế B;

Địa chỉ: Số 63 đường V, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Tiến D, sinh 1965, Chức vụ : Kiểm tra viên. (có mặt)

Người kháng cáo: Người khởi kiện Công ty TNHH Giải pháp S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giải pháp S (Công ty) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số doanh nghiệp 0310418421 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 18/6/2018, trụ sở chính đặt tại Tầng 2 C, số 12 đường T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật là bà Huỳnh Ý N.

Ngày 11/7/2017, Chi Cục trưởng Chi Cục thuế A, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi Chi cục Trưởng thuế A) ban hành Quyết định số 194/QĐ-CCT-KTr1 về việc kiểm tra thuế tại Công ty (Quyết định kiểm tra 194/QĐ-CCT-KTr1), địa chỉ Tầng 2 C, số 12 đường T, phường T, Quận 7, nội dung kiểm tra: Kiểm tra việc kê khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp có liên quan đến các chi tiêu: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; chi phí bán hàng; chi phí quản lý doanh nghiệp; Thời kỳ kiểm tra: Năm 2015-2016.

Ngày 29/9/2017, Đoàn kiểm tra – Chi cục thuế A tiến hành kiểm tra Công ty và có lập Biên bản kiểm tra đề cùng ngày (Biên bản ngày 29/9/2017).

Ngày 30/9/2017, Chi cục Trưởng thuế A ban hành Quyết định số 1577/QĐ-CCT (Quyết định xử phạt 1577/QĐ-CCT) về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty, cụ thể:

1.Hình thức xử phạt. Phạt tiền với mức phạt: 395.733.483 đồng (tiểu mục 4254).

2.Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Số tiền thuế truy thu là: 1.978.667.417 đồng, trong đó: Thuế GTGT 898.825.671 đồng (tiểu mục 1701); Thuế TNDN 1.079.841.745 đồng (tiểu mục 1052).

b) Số tiền chậm nộp tiền thuế: 456.765.018 đồng, trong đó: Thuế GTGT 256.585.915 đồng (tiểu mục 4931); Thuế TNDN 197.179.103 đồng (tiểu mục 4918).

c) Giảm lỗ thuế thu nhập doanh nghiệp là: 4.126.313.619 đồng.

Số tiền chậm nộp được tính đến ngày 30/9/2017, doanh nghiệp có trách nhiệm tự tính bổ sung số tiền chậm nộp từ ngày 01/10/2017 đến thời điểm thực nộp số tiền thuế truy thu và phạt vào NSNN.

Vì đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Khai thuế không chính xác theo quy định tại Điều 7 của Luật quản lý Thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006.

Ngày 06/10/2017, Chi cục Trưởng thuế A ban hành Quyết định số 1599/QĐ-CCT (Quyết định 1599/QĐ-CCT) về việc điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định xử phạt 1577/QĐ-CCT.

Không đồng ý Quyết định xử phạt 1577/QĐ-CCT và Quyết định 1599/QĐ-CCT, ngày 31/10/2017 Công ty có Đơn khiếu nại đến Chi cục Trưởng thuế A yêu cầu chấp nhận giá bán tính thuế đã ghi trên hóa đơn và điều chỉnh Quyết định xử phạt 1577/QĐ-CCT và Quyết định 1599/QĐ-CCT.

Ngày 24/01/2018, Chi cục Trưởng thuế A ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 316/QĐ-CCT (Quyết định khiếu nại 316/QĐ-CCT), theo quyết định toàn bộ nội dung khiếu nại của Công ty tại đơn ngày 31/10/2017 không được chấp nhận.

Không đồng ý Quyết định khiếu nại 316/QĐ-CCT, Công ty khiếu nại lần 2 tại Cục thuế B B (Cục thuế B). Ngày 22/8/2018, Cục Trưởng Cục thuế B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 42/QĐ-CT-KN (Quyết định 42/QĐ-CT-KN), theo quyết định Cục Trưởng Cục thuế B công nhận một phần nội dung đơn khiếu nại ngày 12/02/2018 của Công ty.

Ngày 19/10/2018, Cục Trưởng Cục thuế B ban hành Quyết định số 50/QĐ-CT-KN về việc sửa đổi bổ sung Quyết định 42/QĐ-CT-KN.

Ngày 26/10/2018, Chi cục Trưởng thuế A ban hành Quyết định số 4013/QĐ-CCT về việc điều chỉnh Quyết định 1599/QĐ-CCT, cụ thể: Xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty. Với hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng như sau:

1. Hình thức xử phạt. Phạt tiền với mức phạt: 133.533.676 đồng (tiểu mục 4254).

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Số tiền thuế GTGT truy thu: 657.168.378 đồng (tiểu mục 1701);

b) Số tiền chậm nộp tiền thuế GTGT: 270.650.561 đồng (tiểu mục 4931);

c) Giảm lỗ thuế thu nhập doanh nghiệp là: 779.210.035 đồng.

Số tiền chậm nộp được tính đến ngày 26/10/2018, doanh nghiệp có trách nhiệm tự tính bổ sung số tiền chậm nộp từ ngày 27/10/2018 đến thời điểm thực nộp số tiền thuế truy thu và phạt vào NSNN.

Vì đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Khai thuế không chính xác theo quy định tại Điều 7 của Luật quản lý Thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006.

Tại Đơn khởi kiện nộp ngày 13/8/2019; Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 07/9/2020 và Biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 22/7/2020, người khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giải pháp S có ông Nguyễn Thanh Chí H và ông Trần N đại diện trình bày:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty đã chấp hành đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, đặc biệt là trong lĩnh vực thuế. Đối với hoạt động bán hàng khuyến mại Công ty có thực hiện đăng ký với Sở Công thương theo quy định. Tháng 7/2017, Công ty bị Chi cục thuế A kiểm tra về thuế. Theo Biên bản ngày 29/9/2017 đoàn kiểm tra tiến hành điều chỉnh tăng thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty do điều chỉnh tăng giá bán đối với hàng hóa bán ra thấp hơn giá khuyến mại trong thời gian thực hiện khuyến mại.

Sau khi ban hành Quyết định xử phạt 1577/QĐ-CCT và Quyết định 1599/QĐ-CCT, Chi cục Trưởng thuế A ban hành Quyết định số 6225/QĐ-CCT (gọi Quyết định cưỡng chế 6225/QĐ-CCT) về việc cưỡng chế thi hành các quyết định này bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của Công ty tại kho bạc Nhà nước; tổ chức tín dụng và số tiền Công ty đã bị cưỡng chế nộp vào Ngân sách Nhà nước theo các chứng từ:

- Ngày 13/12/2017: 108.878.156 đồng;
- Ngày 16/01/2019: 411.182.917 đồng;
- Ngày 29/01/2019: 525.297.468 đồng;
- Ngày 31/5/2019: 58.592.754 đồng.

Không đồng ý với các quyết định trên, Công ty thực hiện quyền khiếu nại và được Cục thuế B chấp nhận một phần. Theo Quyết định 4013/QĐ-CCT thì Chi cục Trưởng thuế A đã bỏ nội dung xử phạt về thuế thu nhập doanh nghiệp; truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015, 2016 và một phần nội dung liên quan đến xử phạt và truy thu thuế giá trị gia tăng.

Liên quan đến giá bán hàng trong thời gian khuyến mại, Công ty cũng đã giải trình với Cục thuế B và Chi cục thuế A. Tuy nhiên, lời giải trình của Công ty không được ghi nhận đầy đủ. Công ty luôn có ý thức trong việc chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Đồng thời căn cứ theo quy định pháp luật Thương mại và các văn bản hướng dẫn thi hành. Công ty đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục về khuyến mại, thực hiện việc xuất đầy đủ đối với các mặt hàng khuyến mại và có kê khai thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ đối với cơ quan Nhà Nước dựa trên giá bán các mặt hàng khuyến mại. Việc các cơ quan thuế ban

hành các quyết định hành chính trên là không có cơ sở, không phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Công ty yêu cầu :

+ Hủy toàn bộ Quyết định xử phạt 1577/QĐ-CCT; Quyết định điều chỉnh 1599/QĐ-CCT; Quyết định khiếu nại lần 1 số 316/QĐ-CCT; Quyết định sửa đổi, bổ sung 50/QĐ-CT-KN; Quyết định điều chỉnh 4013/QĐ-CCT và một phần Quyết định khiếu nại lần 2 số 42/QĐ-CT-KN về thuế GTGT.

+ Buộc Chi cục thuế A phải hoàn trả tiền thuế đã nộp và phải có trách nhiệm trả tiền lãi theo mức 0,03%/ngày trên số tiền đã nộp, tính từ ngày Công ty nộp tiền đến ngày các cơ quan thuế hoàn trả tiền thuế đã nộp.

Người bị kiện:

1. Tại Văn bản số 4861/CTT-KT1 ngày 16/7/2020, Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực A có ý kiến như sau:

Lý do Chi cục Trưởng thuế A truy thu và phạt Công ty là do Công ty bán hàng khuyến mại kê khai doanh thu theo giá thấp hơn giá khuyến mại đã đăng ký, dẫn đến việc truy thu và phạt hành chính thuế theo các quyết định hành chính bị kiện trên.

Trong năm 2015 – 2016, Công ty có đăng ký thực hiện các chương trình khuyến mại với hình thức giảm giá so với giá bán trước đó, Công ty đã thực hiện thông báo đến Sở Công thương thành phố, tự xác định giá bán hàng hóa trước đó, tự xác định giá khuyến mại. Công ty có kê khai doanh thu tính thuế GTGT và doanh thu tính thuế TNDN đối với các mặt hàng đã đăng ký khuyến mại nhưng với giá thấp hơn giá đã đăng ký.

Chi cục Trưởng thuế A căn cứ điểm b Khoản 5 Điều 7 Mục 1 Chương II Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013; Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 và điểm a Khoản 1 Điều 5 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 ban hành các quyết định hành chính trên. Đề nghị, Tòa án công nhận các quyết định trên Chi cục Trưởng thuế A ban hành là đúng với quy định pháp luật.

2. Tại Văn bản số 13776/CT-KTNB ngày 18/11/2019, Cục trưởng Cục thuế B có ý kiến như sau:

Thuế A tiến hành kiểm tra quyết toán đối với Công ty. Qua kiểm tra Thuế A đã áp theo giá đăng ký với Sở Công thương theo hai trường hợp sau:

Trường hợp 1: Mặt hàng bị áp giá có giá bán thấp hơn giá bán hàng trước đó thì giá tính thuế GTGT ấn định theo giá đã đăng ký với Sở Công thương;

Trường hợp 2: Mặt hàng bị áp giá có giá bán cao hơn hoặc bằng giá bán hàng trước đó (không thuộc trường hợp theo quy định pháp luật) thì giá tính thuế GTGT tính theo giá kê khai của Công ty.

Từ đó, ban hành các quyết định xử phạt, truy thu và phạt hành chính đối với Công ty, không đồng ý Công ty đã khiếu nại và Chi cục Trưởng thuế A ban hành Quyết định khiếu nại 316/QĐ-CCT với nội dung bác toàn bộ đơn khiếu nại

của Công ty và Công ty thực hiện việc khiếu nại lần 2 tại Cục thuế B. Kết quả giải quyết lần 2 của Cục thuế B như sau:

Công ty đã đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại với Sở Công thương, tự xác định giá bán hàng thông thường và giá khuyến mại trên Thông báo khuyến mại. Thuế A căn cứ Khoản 5 Điều 7 Mục 1 Chương II Thông tư 219/2013/TT-BTC; Nghị định 209/2013/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 9, Mục 2 Nghị định 37/2006/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 15 Mục 3 Nghị định 37/2006/NĐ-CP và điểm a Khoản 1 Điều 5 Thông tư 78/2014/TT-BTC, Đoàn kiểm tra của Thuế A thực hiện điều chỉnh tăng giá tính thuế GTGT và doanh thu tính thuế TNDN đối với hàng hóa trong chương trình khuyến mại bán ra trong thời gian khuyến mại mà Công ty kê khai thấp hơn giá khuyến mại đã thực hiện đăng ký với Sở Công thương. Cụ thể: tăng giá tính thuế GTGT và doanh thu tính thuế TNDN năm 2015 là 6.144.163.562 đồng, năm 2016 là 2.111.311.592 đồng, dẫn đến việc truy thu thuế theo Quyết định điều chỉnh 1599/QĐ-CCT.

Trong Đơn khiếu nại lần 2 và văn bản giải trình Công ty đã trình bày rõ các hình thức bán hàng; hình thức thanh toán và có cam kết *quy trình bán hàng, sổ sách kế toán của Công ty rất minh bạch, không kê khai thiếu doanh thu*. Cục thuế B tiến hành xác minh thực tế, nhận thấy doanh thu; hình thức bán hàng; phương thức thanh toán và số tiền thanh toán khớp với bảng kê trong văn bản giải trình của Công ty. Như vậy, việc Công ty cam kết *quy trình bán hàng, sổ sách kế toán của Công ty rất minh bạch, không kê khai thiếu doanh thu* có cơ sở để xem xét.

Công ty có lập Bảng thuyết minh về giá bán sản phẩm đăng ký khuyến mại với Sở Công thương để tách các mặt hàng trong thời gian khuyến mại bị áp giá theo 2 trường hợp trên. Cục thuế B đã chọn ngẫu nhiên một số hồ sơ trong Bảng thuyết minh để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Kết quả Bảng thuyết minh về giá bán sản phẩm đăng ký khuyến mại với Sở Công thương Công ty cung cấp có số liệu chính xác.

Về thuế GTGT: Trường hợp 1: Mặt hàng bị áp giá có giá bán thấp hơn giá bán hàng trước đó thì giá tính thuế GTGT ấn định theo giá đã đăng ký với Sở Công thương. Thống nhất với Thuế A về giá tính thuế nên không có sự điều chỉnh về thuế GTGT của Quyết định điều chỉnh 1599/QĐ-CCT. Theo Bảng thuyết minh về giá bán sản phẩm đăng ký khuyến mại với Sở Công thương, số liệu phải điều chỉnh lại Quyết định điều chỉnh 1599/QĐ-CCT như sau: Năm 2015: Giá tính thuế GTGT phải giảm so với giá tính thuế GTGT do Thuế A tính (cột 11) là: - 1.544.045.390 đồng, tương ứng thuế GTGT đầu ra phải giảm: - 154.404.539 đồng; Năm 2016: Giá tính thuế GTGT phải giảm so với giá tính thuế GTGT do Thuế A tính (cột 11) là: - 872.527.250 đồng, tương ứng thuế GTGT đầu ra phải giảm: - 87.252.755 đồng.

Về thuế TNDN: Qua xác minh 04 đơn vị đối tác, Cục Trưởng Cục thuế B nhận thấy doanh thu thực tế 4 cửa hàng của Công ty chính là doanh thu kê khai trên hóa đơn. Năm 2015 trong tổng số 33 cửa hàng đặt tại các trung tâm thương mại thì có 27 cửa hàng của Công ty bán hàng theo hình thức trung tâm thương

mại thu hộ tiền của khách hàng theo hóa đơn do Công ty xuất sau đó chuyển trả lại cho Công ty qua ngân hàng sau khi đã căn trừ chi phí thuê mặt bằng, phí quản lý. Đề nghị của Công ty được tính thuế TNDN theo giá kê khai trên hóa đơn là có cơ sở. Cục Trưởng Cục thuế B điều chỉnh lại số truy thu thuế TNDN trong Quyết định điều chỉnh 1599/QĐ-CCT theo cách áp giá tính thuế TNDN theo giá kê khai trên hóa đơn, cụ thể:

-Năm 2015: Giảm doanh thu tính thuế TNDN 6.144.163.562 đồng dẫn đến không truy thu thuế TNDN 1.074.009.134 đồng, với lý do, sau khi điều chỉnh, thu nhập chịu thuế của đơn vị phát sinh lỗ.

-Năm 2016: Giảm doanh thu tính thuế TNDN 2.111.311.592 đồng dẫn đến tăng số lỗ theo số liệu kiểm tra của Thuế A là 2.111.311.592 đồng.

Từ căn cứ trên Cục Trưởng Cục thuế B nhận thấy nội dung khiếu nại của Công ty là đúng một phần và ban hành Quyết định khiếu nại lần 2 42/QĐ-CT-KN và Quyết định điều chỉnh 50/ QĐ-CT-KN. Cục Trưởng Cục thuế B đề nghị Tòa án công nhận nội dung các quyết định này là đúng pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm 1898/2020/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Khoản 4 Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116, điểm b Khoản 2 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, Điều 193 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Quản lý thuế năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012);

Căn cứ Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ Thông tư số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giải pháp S, cụ thể về yêu cầu:

1.1/ Hủy Quyết định số 1577/QĐ-CCT ngày 30/9/2017 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế A về xử phạt vi phạm hành chính về thuế;

1.2/ Hủy Quyết định số 1599/QĐ-CCT ngày 06/10/2017 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế A về việc điều chỉnh Quyết định số 1577/QĐ-CCT ngày 30/9/2017 của Chi cục thuế A;

1.3/ Hủy Quyết định số 316/QĐ- CCT ngày 24/01/2018 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế A về giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Giải pháp S;

1.4/ Hủy một phần Quyết định số 42/QĐ-CT-KN ngày 22/8/2018 của Cục trưởng Cục thuế B về giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Giải pháp S.

1.5/ Hủy Quyết định số 50/QĐ-CT-KN ngày 19/10/2018 của Cục trưởng Cục thuế B về sửa đổi bổ sung Quyết định số 42/QĐ-CT-KN ngày 22/8/2018 của Cục trưởng Cục thuế B;

1.6/ Hủy Quyết định số 4013/QĐ-CCT ngày 26/10/2018 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế A về việc điều chỉnh Quyết định số 1599/QĐ-CCT ngày 06/10/2017 của Chi cục thuế A;

1.7/ Buộc Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực A phải hoàn trả số tiền 1.103.951.306 đồng đã nộp và 190.731.697 đồng tiền lãi với mức lãi suất 0,03%/ngày trên số tiền Công ty TNHH Giải pháp S đã nộp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/11/2020 Công ty TNHH Giải pháp S kháng cáo toàn bộ nội dung bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện hủy các Quyết định số 1577/QĐ-CCT ngày 30/9/2017, Quyết định số 1599/QĐ-CCT ngày 06/10/2017, Quyết định số 316/QĐ- CCT ngày 24/01/2018, Quyết định số 4013/QĐ-CCT ngày 26/10/2018 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế A; Hủy một phần Quyết định số 42/QĐ-CT-KN ngày 22/8/2018, Quyết định số 50/QĐ-CT-KN ngày 19/10/2018 của Cục trưởng Cục thuế B; Buộc Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực A phải hoàn trả số tiền 1.103.951.306 đồng đã nộp và 190.731.697 đồng tiền lãi với mức lãi suất 0,03%/ngày trên số tiền Công ty TNHH Giải pháp S đã nộp.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Chi cục Chi Cục thuế khu vực Quận 7 và Cục trưởng Cục thuế B đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 5 Điều 7 Mục 1 Chương II Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 và điểm a Khoản 1 Điều 5 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 thì Chi cục Trưởng thuế A và Cục trưởng Cục thuế B ban hành là đúng với quy định pháp luật. Đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo không cung cấp được tài liệu mới chứng minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, đại diện người bị kiện Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực A; Cục Trưởng Cục thuế B vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tổ tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và thời hiệu như Tòa án sơ thẩm xác định theo Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

Công ty TNHH Giải pháp S kinh doanh các sản phẩm của OGAWA liên quan đến sức khỏe là ghế; gói massage ..., và có tổ chức chương trình khuyến mại bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, giá cung ứng dịch vụ trước đó. Việc thực hiện khuyến mại Công ty có đăng ký với Sở Công thương thành phố Hồ Chí Minh, theo các thông báo số: 1309-01/SCT-GPSK ngày 19/01/2015; 1309-01/SCT-GPSK ngày 03/03/2015; 1309-01/SCT-GPSK ngày 22/4/2015; 1309-01/SCT-GPSK ngày 22/6/2015; 1309-01/SCT-GPSK ngày 04/01/2016 và 1309-01/SCT-GPSK ngày 04/5/2016. Như vậy, Công ty đã thực hiện đúng theo Nghị định số 37/2006/NĐ-CP về hoạt động xúc tiến thương mại. Theo Công ty TNHH Giải pháp S trình bày, thực tế Công ty không bán được giá đã đăng ký mà phải bán giá thấp hơn, giá ghi trên các hóa đơn của Công ty là giá thực tế bán ra của sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Tại điểm b khoản 5 Điều 7 Mục 1 Chương II Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định: “...*Đối với hình thức bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, dịch vụ trước đó thì giá tính thuế GTGT là giá bán đã giảm áp dụng trong thời gian khuyến mại đã đăng ký hoặc thông báo*”. Theo quy định này thì trong thời gian bán hàng khuyến mại với giá thấp hơn giá đã đăng ký, Công ty TNHH Giải pháp S phải gửi thông báo bằng văn bản đến Sở Công thương để đăng ký lại giá bán. Việc không thực hiện thủ tục đăng ký bán hàng khuyến mại với giá thấp hơn giá đã đăng ký của Công ty TNHH Giải pháp S là không đúng quy định pháp luật như đã nêu trên.

Tuy nhiên, hành vi phải thông báo đến Sở Công thương để đăng ký lại giá bán của Công ty TNHH Giải pháp S chỉ là thủ tục hành chính, trường hợp có vi phạm sẽ bị xử lý hành chính theo quy định pháp luật, mà không phải là căn cứ để tính thuế, bởi vì thuế giá trị gia tăng (GTGT) được tính giá thực tế trên hóa đơn bán hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chi cục trưởng Cục Thuế A cũng thừa nhận việc Công ty TNHH Giải pháp S bán sản phẩm và xuất các hóa đơn đều đúng giá thực tế bán ra, nên không có cơ sở pháp lý để xử phạt vi phạm thuế. Mặt khác, tại Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 42/QĐ-CT-KN của Cục trưởng Cục thuế B cũng đã chấp nhận khiếu nại của Công ty về thuế TNDN nhưng lại không điều chỉnh thuế GTGT là giải quyết chưa toàn diện và triệt để.

Như đã phân tích trên, việc Cục trưởng Cục thuế B và Chi Cục trưởng Chi Cục thuế A ban hành các Quyết định nêu trên là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH Giải pháp S. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của

Công ty TNHH Giải pháp S, hủy các quyết định hành chính nêu trên, buộc Chi cục trưởng Cục thuế khu vực A hoàn trả lại cho Công ty TNHH Giải pháp S số tiền 1.103.951.306 đồng và tiền lãi theo quy định.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên Công ty TNHH Giải pháp S không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực A và Cục trưởng Cục thuế B mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Giải pháp S

- Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 1898/2020/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Khoản 4 Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Quản lý thuế năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012);

Căn cứ Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04/4/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;

Căn cứ Thông tư số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giải pháp S:

1.1/ Hủy Quyết định số 1577/QĐ-CCT ngày 30/9/2017 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế A về xử phạt vi phạm hành chính về thuế;

1.2/ Hủy Quyết định số 1599/QĐ-CCT ngày 06/10/2017 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế A về việc điều chỉnh Quyết định số 1577/QĐ-CCT ngày 30/9/2017 của Chi cục thuế A;

1.3/ Hủy Quyết định số 316/QĐ- CCT ngày 24/01/2018 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế A về giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Giải pháp S;

1.4/ Hủy một phần Quyết định số 42/QĐ-CT-KN ngày 22/8/2018 của Cục trưởng Cục thuế B về giải quyết khiếu nại của Công ty TNHH Giải pháp S.

1.5/ Hủy Quyết định số 50/QĐ-CT-KN ngày 19/10/2018 của Cục trưởng Cục thuế B về sửa đổi bổ sung Quyết định số 42/QĐ-CT-KN ngày 22/8/2018 của Cục trưởng Cục thuế B;

1.6/ Hủy Quyết định số 4013/QĐ-CCT ngày 26/10/2018 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế A về việc điều chỉnh Quyết định số 1599/QĐ-CCT ngày 06/10/2017 của Chi cục thuế A;

1.7/ Buộc Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực A phải hoàn trả số tiền 1.103.951.306 đồng đã nộp và 190.731.697 đồng tiền lãi với mức lãi suất 0,03%/ngày trên số tiền Công ty TNHH Giải pháp S đã nộp.

2. Về án phí hành chính:

2.1. Về án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giải pháp S không phải chịu án phí. Được hoàn lại 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0024340 ngày 28/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực A và Cục trưởng Cục thuế B mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

2.2. Về án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giải pháp S không phải chịu án phí, hoàn lại cho công ty 300.000 đồng án phí theo biên lai thu số 0093133 ngày 01/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh
- Đương sự (3);
- Lưu (6) 14b (MTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên

